

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng;

Căn cứ Công văn số 477b/CV-HĐND ngày 30/10/2015 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 889/CV-HĐND ngày 27/12/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 163/NQ-HĐND ngày 04/4/2019, số 323/NQ-HĐND ngày 21/9/2020 về việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7050/SXD-HĐXD ngày 11/11/2020 về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Khái quát dự án:

a) Dự án Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 28/3/2016; phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 với tổng mức đầu tư là 699.868.357 đồng (trong đó chi phí bồi thường GPMB, hỗ trợ và tái định cư là 36.600.000.000 đồng; chi phí xây dựng là 495.957.718.444 đồng; chi phí thiết bị là 69.470.289.738 đồng; chi phí quản lý dự án 6.426.291.887 đồng; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là 21.806.798.039 đồng; chi phí khác 23.821.478.409 đồng; chi phí dự phòng 45.785.780.374 đồng).

b) Tình hình triển khai thực hiện dự án:

- Các hạng mục công trình của dự án được phê duyệt tại Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng;

- Các hạng mục công trình được bổ sung theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

+ Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục: trần thả các phòng mổ; hệ thống mạng LAN, cáp tín hiệu truyền hình, máng cáp kỹ thuật; kiến trúc bồn hoa tại nhà số 1-2, cỏ nhung, cây xanh, đất màu trồng cây.

+ Đang thực hiện hạng mục: Tuyến đường từ Quốc lộ 1A vào Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa; nhà Khoa Chuẩn đoán hình ảnh để lắp đặt thiết bị y tế.

+ Chưa thực hiện các hạng mục cấp nước RO, máy phát điện dự phòng.

2. Lý do điều chỉnh: Thực hiện nội dung điều chỉnh theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 và Nghị quyết số 323/NQ-HĐND ngày 21/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Nội dung điều chỉnh và các giải pháp thiết kế chủ yếu

3.1. Điều chỉnh, bổ sung hạng mục:

- Tuyến đường từ Quốc lộ 1A vào Bệnh viện Ung bướu Thanh hóa: chiều dài 247m, quy mô $B_n=16m$, $B_m=10m$, $B_h=5m$, $B_{l_m}=1m$; kết cấu móng, mặt đường gồm lớp BTN dày 7cm, tưới nhựa thấm bảm $1,0 \text{ kg/m}^2$, lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 26cm; kết cấu nền đường bằng lớp đất đắp K98 dày 50cm; bó vỉa bằng bê tông xi măng, vỉa hè lát đá xanh kích thước 300x300x50mm.

- Nhà Khoa chuẩn đoán hình ảnh: quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 260m^2 , chiều cao công trình 5.4m; phần móng sử dụng giải pháp móng đơn, phần thân sử dụng hệ khung BTCT chịu lực.

- Hệ thống mạng LAN, cáp tín hiệu truyền hình, máng cáp kỹ thuật; bồn hoa tại nhà số 1-2, cỏ nhung, cây xanh, đất màu trồng cây; hạng mục cấp nước RO; điều chỉnh hạng mục trần thả tại các phòng mổ thành trần panel;

- Hệ thống điều hòa, hệ thống khí y tế tại nhà khoa chuẩn đoán hình ảnh.

- Máy phát điện dự phòng công suất 2.000KVA.

3.2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

- Điều chỉnh chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng;
- Điều chỉnh chi phí xây dựng gồm: điều chỉnh giá nguyên, nhiên vật liệu xây dựng, máy thi công; bổ sung khối lượng thực tế hoàn thành được nghiệm thu đối với hợp đồng gói thầu số 3, 4; điều chỉnh, bổ sung thiết kế chưa được phê duyệt; điều chỉnh tăng giảm dự toán các hạng mục.
- Điều chỉnh các khoản chi phí khác (gồm chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác), chi phí dự phòng theo giá trị đã thực hiện và đang triển khai đảm bảo theo quy định.

Tổng mức đầu tư điều chỉnh: **814.959.699.000 đồng**; trong đó:

+ Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC	:	68.515.631.000	đồng;
+ Chi phí xây dựng	:	584.499.130.657	đồng;
+ Chi phí thiết bị	:	125.781.353.234	đồng;
+ Chi phí quản lý dự án	:	6.441.598.279	đồng;
+ Chi phí tư vấn ĐTXD	:	24.719.035.928	đồng;
+ Chi phí khác	:	3.602.950.000	đồng;
+ Chi phí dự phòng	:	1.400.000.000	đồng.

(Có phụ lục kèm theo).

4. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh nêu trên.

Điều 2. Chủ đầu tư (Sở Y tế Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đồng thời rà soát các phần công việc đã thực hiện của dự án (theo yêu cầu của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7050/SXD-HĐXD ngày 11/11/2020), đảm bảo việc nghiệm thu, thanh quyết toán và các thủ tục theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Y tế; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Thanh Hoá; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(M11.16)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH**Dự án đầu tư xây dựng: Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính : Đồng

Stt	Nội dung chi phí	TMĐT theo QĐ số 681/QĐ-UBND ngày 06/03/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch: Tăng (+); Giảm (-)
	Tổng mức đầu tư (I+II+III+IV+V+VI)	699.839.657.301	814.959.699.000	115.120.041.699
I	Chi phí bồi thường GPMB	36.600.000.000	68.515.631.000	31.915.631.000
II	Chi phí xây dựng	495.957.718.844	584.499.130.657	88.541.411.813
III	Chi phí thiết bị	69.470.289.738	125.781.353.234	56.311.063.496
IV	Chi phí quản lý dự án	6.426.291.887	6.441.598.279	15.306.393
V	Chi phí tư vấn ĐTXD	21.778.098.039	24.719.035.928	2.940.937.889
1	Khảo sát địa chất phục vụ lập DA	487.111.000	487.111.000	0
2	Chi phí lập quy hoạch tổng thể MBXD	533.790.000	533.790.000	0
3	Cắm mốc chỉ giới đường đỏ	50.000.000	50.000.000	0
4	Chi phí lập Báo cáo NCKT	1.077.060.950	1.151.983.727	74.922.777
5	Khảo sát địa chất phục vụ thiết kế bản vẽ thi công	498.000.000	421.832.000	-76.168.000
6	Chi phí thiết kế xây dựng	9.358.626.623	9.788.333.585	429.706.961
7	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	363.606.963	477.873.780	114.266.817
8	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	339.812.832	453.427.151	113.614.319
9	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	288.334.590	382.783.062	94.448.472
10	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT mua sắm thiết bị	101.514.862	182.140.051	80.625.189
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng	5.591.140.126	6.903.708.210	1.312.568.084
12	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	373.841.715	595.049.156	221.207.441
13	Chi phí giám sát, đánh giá dự án đầu tư	1.285.258.377	1.610.399.570	325.141.192
14	Chi phí đánh giá tác động môi trường	350.000.000	350.000.000	0
15	Chi phí nén tĩnh thử tải cọc	550.000.000	864.000.000	314.000.000

Stt	Nội dung chi phí	TMĐT theo QĐ số 681/QĐ- UBND ngày 06/03/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch: Tăng (+); Giảm (-)
16	Chi phí quan trắc biến dạng lún	200.000.000	200.000.000	0
17	Chi phí tư vấn khác	330.000.000	266.604.635	-63.395.365
VI	Chi phí khác	23.821.478.409	3.602.950.000	-20.218.528.409
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	46.900.000	46.900.000	0
2	Chi phí bảo hiểm công trình	1.700.622.552	184.657.314	-1.515.965.238
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	626.500.000	436.025.000	-190.475.000
4	Chi phí kiểm toán	1.978.900.000	175.950.000	-1.802.950.000
5	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT xây lắp	451.865.972	114.424.961	-337.441.011
6	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm thiết bị	63.474.195	110.757.055	47.282.860
7	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	150.000.000	200.000.000	50.000.000
8	Chi phí thẩm duyệt PCCC	21.000.000	21.000.000	0
9	Chi phí hạng mục chung	17.132.215.690	439.125.670	-16.693.090.020
10	Chi phí đấu nối điện, nước	220.000.000	569.110.000	349.110.000
11	Chi phí rà phá bom mìn, vật liệu nổ	850.000.000	850.000.000	0
12	Chi phí vận hành chạy thử và chuyên giao công nghệ	250.000.000	25.000.000	-225.000.000
13	Chi phí khác còn lại	330.000.000	430.000.000	100.000.000
VII	Chi phí dự phòng	45.785.780.384	1.400.000.000	-44.385.780.384